

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

Lào Cai, năm 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
NỘI DUNG	5
I. Thông tin chung.....	5
1. Thông tin khái quát	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
4. Định hướng phát triển	11
II. Tình hình hoạt động trong năm	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
2. Tổ chức và nhân sự	18
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	22
4. Tình hình tài chính	23
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	25
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	28
2. Tình hình tài chính	35
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	36
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	36
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	39
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	39
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	39
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	39
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	40
V. Quản trị công ty	43
1. Hội đồng quản trị	43
2. Ban Kiểm soát.....	47
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	50
VI. Báo cáo tài chính.....	51
1. Ý kiến của Kiểm toán viên.....	51
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	51

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	6
Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018.....	16
Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu năm 2017 - 2018.....	16
Bảng số 4: Cơ cấu chi phí năm 2017 – 2018.....	17
Bảng số 5: Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	18
Bảng số 6: Danh sách thành viên Ban Điều hành.....	18
Bảng số 7: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018.....	21
Bảng số 8: Tình hình tài chính của Công ty	23
Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	23
Bảng số 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018	24
Bảng số 11: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018.....	25
Bảng số 12: Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm 2018.....	25
Bảng số 13: Mức lương trung bình đối với người lao động	26
Bảng số 14: Số giờ đào tạo trung bình năm 2018.....	27
Bảng số 15: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018	35
Bảng số 16: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 - 2018.....	36
Bảng số 17: Thành viên Hội đồng quản trị.....	43
Bảng số 18: Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.....	47
Bảng số 19: Thành viên Ban Kiểm soát	47
Bảng số 20: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.....	50
Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty	7

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ	Quyết định
UBND	Ủy ban nhân dân
DTT	Doanh thu thuần
TSCĐ	Tài sản cố định
BCTC	Báo cáo tài chính
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CA	Công an
TP	Thành phố
CMND	Chứng minh nhân dân
CTCP	Công ty cổ phần
BKS	Ban Kiểm soát
TCT	Tổng Công ty
SXKD	Sản xuất kinh doanh

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO
- Tên tiếng Anh : MINERALS JOINT STOCK COMPANY N03 – VIMICO
- Tên viết tắt : MICO 3 - VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0500204315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/09/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 25/07/2014
- Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 35.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Tổ 30, phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại : 02143.821.292
- Số fax : 02143.828.804
- Website : <http://khoangsan3.com.vn>
- Mã cổ phiếu : MC3

➤ Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico tiền thân là Công ty phát triển Khoáng sản 3 được chính thức thành lập theo Quyết định số 590/BCN – TC ngày 04/08/1992 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng trên cơ sở hợp nhất 2 Xí nghiệp Địa chất khai thác khoáng sản 303 Thanh Sơn – Phú Thọ và Xí nghiệp Địa chất Khoáng sản 307 Kim Bôi – Hòa Bình có trụ sở đóng tại xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Tháng 08/1999, Bộ Công nghiệp ra quyết định số 31/2005/QĐ – BCN về việc sát nhập Công ty Khoáng sản 304 Lào Cai và Công ty Phát triển Khoáng sản 3.

Ngày 13/02/2007, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành Quyết định số 550/QĐ – BCN ngày 13/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty thành Công ty cổ phần Khoáng sản 3 thuộc Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin (Tổng Công ty Khoáng sản - TKV thuộc Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam ngày nay). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500204315 và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 30/09/2008, với vốn điều lệ là 11 tỷ đồng.

Ngày 13/10/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 3276/UBCK – QLPH.

Đến tháng 05/2011, để thuận tiện cho công tác điều hành sản xuất, Công ty đã di chuyển trụ sở đến địa chỉ tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23/12/2013, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500204315 thay đổi lần thứ 03 với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng.

Ngày 12/05/2016, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 47/2016/GCNCP-VSD.

Ngày 22/02/2017, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 133/QĐ-SGDHN.

Ngày 14/06/2017, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico chính thức được giao dịch trên thị trường UPCoM với giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 04/10/2018, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy xác nhận số 7801/18 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

↳ Ngành nghề kinh doanh:

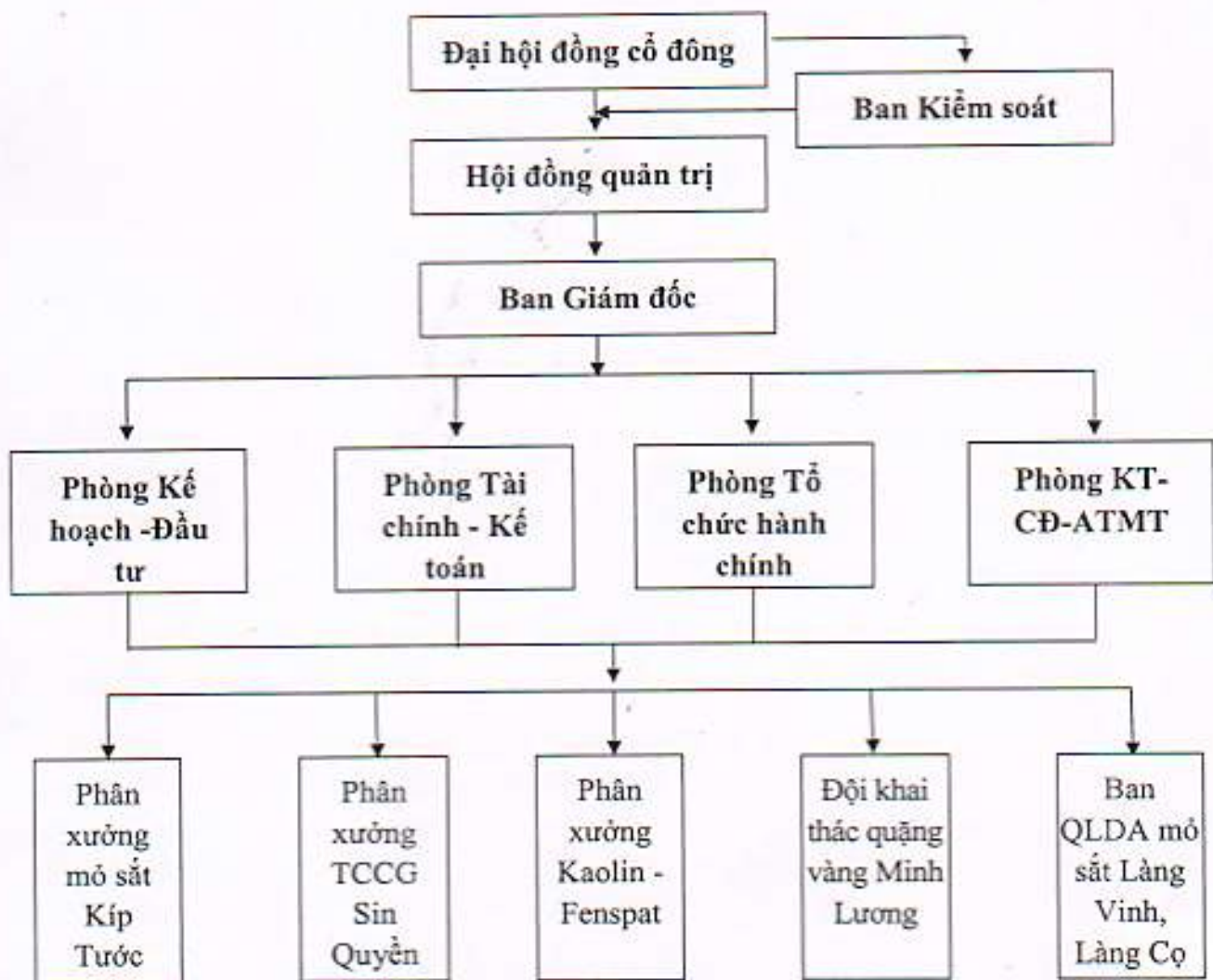
Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng sắt	0710 (Chính)
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Bán buôn, xuất nhập khẩu Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; - Bán buôn, xuất nhập khẩu xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác.	4661
3	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu, dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730

4	<p>Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác các loại khoáng sản, thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác thăm dò, khai thác mỏ, chế biến và tuyển luyện khoáng sản.</p> <p>Lập dự án, tư vấn đầu tư, thi công các công trình địa chất, khai thác mỏ, các công trình tuyển luyện, chế biến khoáng sản, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây lắp điện dân dụng, điện công nghiệp quy mô vừa và nhỏ.</p> <p>Thăm dò, khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản.</p>	<p>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</p>
---	---	---

- 2. Địa bàn kinh doanh: tỉnh Lào Cai, tỉnh Phú Thọ, thành phố Hà Nội.
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 3.1 Mô hình quản trị:

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

✦ Đại hội đồng Cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp đồng thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

✦ Hội đồng quản trị:

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị (HDQT) giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

✦ Ban Kiểm soát:

Do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

✦ Ban Giám đốc:

Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm về hiệu quả SXKD trước HDQT và Đại hội đồng cổ đông; xây dựng phương án, chiến lược hoạt động và triển khai thực hiện các chiến lược đó sau khi đã được HDQT phê chuẩn, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự...

✦ Phòng Tài chính - Kế toán:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác hạch toán kế toán, công tác tài chính trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán - thống kê trong Công ty trên cơ sở Luật Kế toán Thống kê để áp dụng cho phù hợp.
- Xây dựng báo cáo quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, hoàn thành các dự án được phân cấp theo thẩm quyền, theo quy chế về quản lý đầu tư xây dựng.
- Theo dõi quản lý sử dụng vốn góp của các cổ đông của Công ty, đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn SXKD.
- Lưu trữ và quản lý các hồ sơ, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán theo qui định của pháp luật, quản lý và đảm bảo an toàn trong việc nhận, vận chuyển, bảo quản tiền mặt, ngoại tệ.
- Thực hiện công tác báo cáo kế toán, thống kê, kết quả sản xuất kinh doanh, công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về các số liệu kế toán thống kê kết quả SXKD của công ty.
- Tham gia việc định giá, đấu giá, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các hợp đồng kinh tế, đầu tư mua bán tài sản hàng hóa.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán công nợ.

- Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán trong Công ty.

⚡ **Phòng Tổ chức hành chính – Lao động tiền lương:**

- Tổ chức quản lý công tác quản trị hành chính văn phòng, quản lý các loại tài sản, phương tiện làm việc chung của Công ty, lập kế hoạch mua sắm trang bị, sửa chữa thiết bị văn phòng trình Giám đốc duyệt sau đó tổ chức thực hiện.

- Chủ trì đề án, qui hoạch, kế hoạch sắp xếp đổi mới phát triển doanh nghiệp (thành lập mới, chia tách, sáp nhập, giải thể, liên doanh liên kết.v.v...). Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức quản lý, tổ chức mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng, sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, quy chế quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, tổ chức lao động tiền lương. Tổng hợp đánh giá trình duyệt xếp hạng doanh nghiệp, đánh giá công tác qui hoạch cán bộ, quản lý cán bộ, quản lý CNVC, mô hình tổ chức SXKD, công tác tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng CBCNV, điều động CBCN phục vụ yêu cầu công tác.v.v

- Xây dựng, trình duyệt quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng, phân phối thu nhập, là thường trực Hội đồng trả lương của Công ty.

- Phối hợp các phòng tổ chức nghiệm thu, thanh toán trả lương cho người lao động, đồng thời kiểm tra việc trả lương của các đơn vị tới người lao động.

- Chủ trì triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách, pháp luật lao động, chính sách xã hội đối với người lao động.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống định mức, định biên lao động, tiền lương trong toàn Công ty, xây dựng phương án sử dụng lao động, tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV.

- Thực hiện công tác báo cáo công tác cán bộ, lao động tiền lương theo qui định.

- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn từ khiếu tố sau khi được Công ty giao, tổ chức tiếp công dân theo ủy quyền của lãnh đạo Công ty.

- Chủ động phối hợp cùng cơ quan công an, quân sự địa phương nắm, phân tích và đánh giá tình hình có liên quan tác động đến công tác bảo vệ an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, an toàn tài sản của Công ty. Xây dựng phương án bảo vệ nội bộ, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, tham mưu, xử lý kịp thời các sai phạm, đôn đốc kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện công tác bảo vệ, quân sự.

⚡ **Phòng Kế hoạch – Đầu tư:**

- Chủ trì và tổng hợp các phòng đề xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty.

- Xây dựng các biện pháp quản lý kế hoạch, quản trị chi phí, giá thành sản phẩm, công tác đầu tư, xây dựng chỉ tiêu định mức kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở để giao cho các đơn vị sản xuất của Công ty.

- Làm hồ sơ văn bản thương lượng ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi triển khai thực hiện các hợp đồng đã ký và làm thủ tục quyết toán thanh lý các hợp đồng đã thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm (kể cả xuất nhập khẩu) trình lãnh đạo Công ty phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng quy chế, hồ sơ đấu thầu, cung ứng vật tư thiết bị hàng hóa, đấu giá tiêu thụ sản phẩm, công tác kinh doanh thương mại.
- Thực hiện công tác tiếp thị, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất với chất lượng, giá cả tốt nhất.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống định mức, định biên lao động, tiền lương trong toàn Công ty.
- Phối hợp các phòng tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng giao khoán cho các đơn vị trực thuộc và người lao động, là thường trực Hội đồng nghiệm thu Công ty.

✦ **Phòng Kỹ thuật – Cơ điện - An toàn và Môi trường:**

- Xây dựng chiến lược qui hoạch, kế hoạch sản xuất, khoa học công nghệ, định hướng phát triển về thăm dò, khai thác, chế biến, môi trường, kỹ thuật, sử dụng máy móc thiết bị để áp dụng vào lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và môi trường. Lập đề án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, đề tài nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất kinh doanh của Công ty. Chỉ đạo, kiểm tra giám sát các vấn đề về kỹ thuật mỏ, quy trình quy phạm sản xuất và an toàn, hệ thống tiêu chuẩn khai thác mỏ.
- Tham gia phối hợp các phòng tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng giao khoán cho các đơn vị trực thuộc và người lao động.
- Lập kế hoạch, qui hoạch tổng hợp nhu cầu đầu tư đổi mới trang thiết bị kỹ thuật cơ điện. Nghiên cứu, xây dựng phương án kỹ thuật, áp dụng những thành quả Kế hoạch kỹ thuật mới vào sản xuất về lĩnh vực thiết bị cơ điện. Thực hiện quản lý công tác cơ điện của Công ty.
- Hướng dẫn cách sử dụng vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đồng thời lập kế hoạch sử dụng, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa thiết bị trình lãnh đạo duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.
- Tham gia hội đồng thẩm định duyệt các dự án, hội đồng nghiệm thu kỹ thuật, hội đồng nghiệm thu công tác sửa chữa lớn về các nội dung có liên quan đến thiết bị cơ điện do Công ty làm chủ đầu tư.
- Giám sát kiểm tra việc thực hiện chất lượng vật tư, phụ tùng thay thế các thiết bị...
- Quản lý kỹ thuật, chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật các cấp, theo dõi vận hành sử dụng thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đảm bảo An toàn - Môi trường cho toàn Công ty, xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động hàng năm.
- Kiểm tra công tác an toàn theo định kỳ và đột xuất của các tổ đội sản xuất.

✦ **Các phân xưởng:**

Là các đơn vị sản xuất thuộc Công ty có nhiệm vụ giúp Giám đốc tổ chức sản xuất theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, bao gồm:

- Phân xưởng mỏ sắt Kíp Tước – Địa chỉ: Thôn Kíp Tước, xã Hợp Thành, Cam Đường, tỉnh Lào Cai.
- Phân xưởng Thi công cơ giới Sin Quyền – Địa chỉ: Xã Cốc Mỳ, Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Phân xưởng Kaolin – Fenspat – Địa chỉ: Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

✚ **Đội khai thác quặng vàng Minh Lương:**

- Cùng Công ty cổ phần Vàng Lào Cai quản lý, bảo vệ mỏ vàng Minh Lương.
- Tham gia khai thác quặng vàng cho Công ty cổ phần Vàng Lào Cai.

✚ **Ban Quản lý dự án mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ:**

- Là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico, có chức năng thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản mỏ, bảo vệ mỏ theo Giấy phép khai thác số 1150/GP - BTNMT ngày 18/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000438 ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Trực tiếp tham gia cùng các phòng ban Công ty thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản từ thiết kế thi công công trình, giám sát, theo dõi nghiệm thu các hạng mục thi công công trình bảo đảm chất lượng hiệu quả theo đúng trình tự quản lý về đầu tư xây dựng của Nhà nước và các cấp trong đơn vị ban hành.

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý, xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ Tài nguyên Khoáng sản tại mỏ.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

✚ **Các công ty con:**

Không có.

✚ **Các công ty liên kết:**

Không có.

4. Định hướng phát triển

✚ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD. Đảm bảo an toàn, an ninh và an sinh, đảm bảo tiến độ, chất lượng đầu tư các dự án.

- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

✚ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên việc tuân thủ luật pháp và các quy tắc quản trị để đảm bảo an toàn phát triển trong mọi tình huống. Ngoài ra, Công ty còn chủ động đón nhận những cơ hội đầu tư tiềm năng, nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, kiểm soát chi phí, chủ động về nguồn vốn, chủ động đối phó và giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng từ hệ thống chính sách vĩ mô, sự biến động thị trường.

- Trong sản xuất kinh doanh, Công ty gắn liền với định hướng: hoạt động đầu tư, phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại kết hợp với công nghệ quản lý tiên tiến để tạo ra những sản phẩm tối ưu cho xã hội, mang đến cho khách hàng những sản phẩm phù hợp, hiệu quả với mức chi phí thấp nhất và nỗ lực phấn đấu để Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico trở thành một thương hiệu mạnh ở trong và ngoài nước.

- Trong sản xuất, phát huy và khai thác tối đa các tiềm năng và nguồn lực sẵn có, khi có thời cơ tiếp tục mở rộng các hạng mục đầu tư, phát triển ngành nghề hay lĩnh vực kinh doanh mới. Ngoài ra, công tác tiếp thị và phát triển thị trường của Công ty phải tạo thị phần vững chắc cho các sản phẩm của doanh nghiệp, chú trọng công tác xuất khẩu các sản phẩm của Công ty đặc biệt là các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

- Trong chiến lược của doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến yếu tố con người, coi con người là tài sản quý giá nhất, là nhân tố quyết định cho sự phát triển. Công ty thường xuyên áp dụng các chương trình đào tạo và huấn luyện kỹ năng để nâng cao, phát triển chất lượng nguồn nhân lực.

⚡ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

- Khai thác, chế biến khoáng sản đi đôi với công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường. Công ty hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường;

- Quan tâm đến việc hỗ trợ công ăn việc làm và thu nhập cho các lao động địa phương, từng bước góp phần cải thiện đời sống, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro kinh tế

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất,...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Ngược lại, nếu nền kinh tế có những biến động bất thường hoặc rơi vào suy thoái thì các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao và khiến cho nhu cầu tiêu thụ hàng hóa giảm mạnh, làm rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nền kinh tế thế giới trong năm 2018 khép lại với nhiều biến động từ việc bất ổn chính trị, từ cuộc chiến thương mại giữa hai nước Mỹ và Trung Quốc đến quá trình đàm phán thỏa thuận Brexit giữa Anh và EU, đã góp phần khiến tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu giảm 0,1 đến 0,2 điểm phần trăm.

Tuy nhiên, nền kinh tế khu vực châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm qua được coi là một điểm sáng đáng chú ý với GDP tăng trưởng 7,08% - mức cao nhất từ năm 2008, vượt mục tiêu 6,7% của Chính phủ và chỉ số tăng CPI được kiểm dưới mức 4%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã đóng góp chính cho tăng trưởng kinh tế với mức tăng cao 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012 - 2016, đóng góp 2,55 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Ngành nông nghiệp khẳng định xu hướng phục hồi

rõ nét khi đạt mức tăng 2,89%, cao nhất giai đoạn 2012-2018; ngành thủy sản đạt kết quả khá tốt với mức tăng 6,46%.

Bên cạnh đó, theo Tổng cục Thống kê, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2018 ước tính đạt 244,7 tỷ USD, tăng 13,8% so với năm 2017 (vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là tăng 7% - 8% và Nghị quyết 01 của Chính phủ là tăng 8% - 10%); Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7,2 tỷ USD (tăng 147% so với năm 2017), là năm có giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay; Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng 9,1% với kỷ lục mới về số vốn giải ngân đạt 19,1 tỷ USD.

Bước sang năm 2019, nền kinh tế tiếp tục đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng xen lẫn nhiều thách thức, bất lợi. Nguy cơ các nền kinh tế chủ chốt gia tăng cạnh tranh về kinh tế, tài chính, tăng lãi suất, thắt chặt tiền tệ cũng là thách thức được dự báo.

Mục tiêu đề ra trong Nghị quyết 01 về phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ đối với tăng trưởng GDP năm 2019 ở mức 6,8%, lạm phát tiếp tục kiềm giữ dưới 4%. Việc tham gia nhiều hiệp định thương mại song phương và đa phương sẽ góp phần nâng cao sức cạnh tranh, chất lượng hàng hóa; thúc đẩy, tạo sự thuận lợi để mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư.

▪ **Rủi ro về lãi suất:**

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (NFSC), lãi suất tiền gửi bình quân tăng từ 5,11% năm 2017 lên 5,25% năm 2018. Lãi suất cho vay bình quân năm 2018 là khoảng 8,91%, năm 2017 là 8,86%. Lãi suất có xu hướng tăng chủ yếu là do: chính sách tăng lãi suất 4 lần trong năm của Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ (FED); kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động và các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nguồn vốn nhằm bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Hiệp ước Basel II.

Năm 2019 được dự báo mặt bằng lãi suất sẽ được giữ ổn định do: áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều trước ảnh hưởng từ chính sách tăng sản lượng dầu đá phiến của Mỹ; đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá. Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, đáo nợ, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

5.2 Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro mà một bên tham gia trong công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

5.3 Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường,.... Hiện nay, hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản chưa được hoàn thiện và còn thiếu tính đồng bộ, tạo ra nhiều trở ngại và khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo tính toán, cứ mỗi tấn quặng sau khi được khai thác, chế biến phải chịu nhiều loại thuế, phí như: thuế tài nguyên, thuế chuyển quyền khai thác khoáng sản, thuế VAT, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, phí môi trường,... và khi cộng tất cả lại, các loại thuế, phí này chiếm gần 50% giá thành của sản phẩm, nên ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời gian xin cấp phép khai thác khoáng sản thường kéo dài (từ 3 đến 5 năm) là một rủi ro lớn trong hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, chính sách chế biến và tiêu thụ khoáng sản hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, nhiều thủ tục và mất nhiều thời gian.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Để phù hợp với các quy định của quốc tế, sự thay đổi về chính sách quản lý, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp như Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết cho Nghị định 71/2017/NĐ-CP, là điều tất yếu để phù hợp với các yêu cầu, thông lệ quốc tế, nâng cao khả năng quản trị của các doanh nghiệp. Ban điều hành luôn lưu ý và cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo tuân thủ sự quản lý của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành.

5.4 Rủi ro đặc thù

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản nói chung và sản xuất quặng sắt nói riêng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Ngành này chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ chiến lược quản lý khai thác khoáng sản, quy hoạch của Trung ương. Việt Nam vẫn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.

- *Rủi ro về chi phí khai thác:*

Đặc điểm của ngành khai thác khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần thực hiện công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng và chất lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm là rất lớn.

Bên cạnh đó, trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, ngoài sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải với số lượng lớn và đòi hỏi chi phí xử lý rất tốn kém. Cùng với đó là các nghĩa vụ phí với nhà nước: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng số liệu thông tin địa chất phải nộp cũng khá cao trong bối cảnh khó khăn. Đứng trước tình hình đó, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đang từng bước cải thiện công tác quản lý chi phí, cân nhắc đến việc đẩy mạnh hoạt động ở các lĩnh vực tạo ra nhiều lợi nhuận hơn cho Doanh nghiệp.

▪ **Rủi ro đầu ra:**

Những năm gần đây, giá quặng sắt trên thị trường thế giới cũng như ở trong nước luôn biến động bất thường. Trung bình trong năm 2018, giá quặng sắt đạt mức gần 70 USD/tấn.

Biến động giá quặng sắt trong năm qua đã khiến nhiều doanh nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản gặp khó khăn hơn trong công tác theo dõi, dự báo, triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể.

Giá quặng sắt được dự báo trong những tháng đầu năm 2019 sẽ biến động quanh mức cao do Trung Quốc nới lỏng các chính sách hạn chế sản xuất thép giúp nhu cầu nguyên liệu tăng. Tuy nhiên, ngành thép cũng phải đối mặt với nhiều thách thức về giải quyết nợ xấu, nguồn cung dư thừa, thị trường bất động sản hạ nhiệt nên giá cả không quá biến động và leo thang như năm 2018.

▪ **Rủi ro về thời tiết:**

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên, do đó mà những thay đổi về thời tiết như mưa nhiều với lượng mưa lớn sẽ làm tăng nguy cơ bực nước khi khai thác xuống sâu, gây khó khăn cho hoạt động khai thác và tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn.

▪ **Rủi ro về môi trường:**

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, gây ra tiềm ẩn rủi ro cho Doanh nghiệp sẽ bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của người dân.

5.5 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoá hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty

luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	169.118.685.779	178.369.743.327	5,47
Doanh thu thuần	169.118.685.779	178.369.743.327	5,47
Lợi nhuận gộp	11.018.626.782	6.357.848.563	-42,30
Lợi nhuận thuần	3.120.407.079	4.370.885.845	40,07
Lợi nhuận khác	842.784.617	(582.451.913)	-169,11
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.963.191.696	3.788.433.932	-4,41
Lợi nhuận sau thuế	3.761.247.031	1.837.049.560	-51,16

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

- Cơ cấu doanh thu:

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu năm 2017 - 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần từ HĐSXKD	169.118.685.779	178.369.743.327	5,47
- Doanh thu tinh quặng sắt	63.761.344.081	97.613.669.786	53,09
- Doanh thu cung cấp dịch vụ nổ mìn, bốc xúc	105.357.341.698	80.756.073.541	-23,35
Doanh thu hoạt động tài chính	168.018.970	9.128.236	-94,57
Thu nhập khác	2.496.444.234	449.811.673	-81,98
Tổng doanh thu	171.783.148.983	178.828.683.236	4,10

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

Trong năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt 178,4 tỷ đồng, tăng 5,47% so với năm 2017 và tổng doanh thu đạt 178,8 tỷ đồng, tăng nhẹ 4,1% so với năm 2017. Trong đó, doanh thu từ việc tiêu thụ sản phẩm tinh quặng sắt năm 2018 đã đạt 97,6 tỷ đồng, tăng 53,09% so với doanh thu năm 2017 là 63,7 tỷ đồng. Nguyên nhân là do giá thép và nhu cầu xây dựng tiếp tục gia tăng khiến giá các kim loại quặng đã có sự phục hồi rõ rệt trong năm 2018. Nắm bắt những cơ hội đó, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đã đẩy mạnh hoạt động bán hàng. Các loại quặng sắt mà Công ty chào bán chủ yếu là quặng Limonit (không từ tính), quặng Manhetit (có từ tính) được sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước, xã Hợp Thành, TP. Lào Cai và mỏ sắt Làng Vinh, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ nổ mìn, bóc xúc tiếp tục đã giảm như các năm trước, từ 105,4 tỷ đồng năm 2017 xuống còn 80,8 tỷ đồng năm 2018 do trong năm 2018, Công ty không trúng thầu gói bóc xúc tại mỏ sắt Nà Rụa – Cao Bằng, và tại mỏ đồng Sin Quyền, Công ty chỉ là nhà thầu phụ, đến tháng 4/2018 mới thi công bóc xúc. Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh 94,57% là do năm 2018 không còn ghi nhận khoản lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán.

- Cơ cấu chi phí:

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí năm 2017 – 2018

Chỉ tiêu	Năm 2017 (đồng)	%/TDT	Năm 2018 (đồng)	%/TDT
Giá vốn hàng bán	158.100.058.997	92,03	172.011.894.764	96,19
- Tinh quặng sắt đã bán	59.421.749.634	34,59	94.708.573.948	52,96
- Dịch vụ nổ mìn, bóc xúc đã cung cấp	100.352.523.712	58,42	77.303.320.816	43,23
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(1.674.214.349)	-0,97	-	-
Chi phí tài chính	1.193.012.890	0,69	(5.831.993.572)	-3,26
- Chi phí lãi vay	526.973.105	0,31	530.750.015	0,30
- Lãi do được ứng trước tiền hàng	1.808.922.044	1,05	353.013.630	0,20
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.142.882.259)	-0,67	(6.715.757.217)	-3,76
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.873.225.783	4,00	7.828.084.526	4,38
Chi phí khác	1.653.659.617	0,96	1.032.263.586	0,58
Tổng chi phí	167.819.957.287	97,69	175.040.249.304	97,88

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Khoáng sản 3 - Vimico)

1.2 Kết quả thực hiện so với kế hoạch:

Bảng số 5: Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	% thực hiện so với KH
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	tấn	65.055	70.000	92,9
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ	tấn	108.049	150.000	72,0
3	Khai thác quặng vàng cho Công ty CP vàng Lào Cai	m ³	10.283	12.000	85,7
4	Bóc xúc VC thuê ngoài	m ³	1.180.806	1.200.000	87,5
	- Mỏ tuyển đồng Sin Quyền	m ³	1.180.806	1.200.000	87,5
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	178.829	220.505	81,1
6	Nộp ngân sách	Tr.đồng	30.154	63.301	47,6
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.788	2.409	157,3
8	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	4,63	4,27	108,3
9	Giá trị đầu tư XDCB	Tr.đồng	6.054	36.788	16,5
	- Xây lắp	Tr.đồng	-	-	-
	- Thiết bị	Tr.đồng	5.904	27.772	21,3
	- QL, GPMB, TV, khác,...	Tr.đồng	150	9.016	1,7

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Bảng số 6: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Cao Khương	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc
3	Ông Trần Trung Thành	Kế toán trưởng

- Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên : **NGUYỄN CAO KHƯƠNG**

- **Số CMND** : 063124073 cấp ngày 28/01/2013 Tại CA Lào Cai

- **Giới tính** : Nam

- **Ngày tháng năm sinh** : 12/01/1974

- **Quốc tịch** : Việt Nam

- **Dân tộc** : Kinh

- **Địa chỉ thường trú** : Số nhà 025, đường Hưng Hóa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Địa chỉ hiện tại** : Số nhà 025, đường Hưng Hóa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư địa chất, cử nhân chính trị

- **Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty** : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico

- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Không

- **Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu** : 117.440 cổ phần, chiếm 3,36% vốn điều lệ

- **Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP** : 500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,29% vốn điều lệ

- **Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty** : Không

- **Các khoản nợ đối với Công ty** : Không

- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN VINH**

- **Số CMND** : 063072726

- **Giới tính** : Nam

- **Ngày tháng năm sinh** : 02/10/1982

- **Quốc tịch** : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 2, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 26.140 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Họ và tên** : **TRẦN TRUNG THÀNH**
- Số CMND : 162248631
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 8 - Phường Duyên Hải – TP Lào Cai - tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 8 - Phường Duyên Hải – TP Lào Cai - tỉnh Lào Cai
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vàng Lào Cai
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 22.280 cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2 Những thay đổi ban điều hành:
Không có.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 7: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
1. Phân theo trình độ lao động	169	100
- Trình độ Đại học và trên đại học	39	23,08
- Trình độ cao đẳng	2	1,18
- Trình độ trung cấp	5	2,96
- Công nhân kỹ thuật, sơ cấp	118	69,82
- Lao động phổ thông	5	2,96
2. Phân theo giới tính	169	100
- Nam	151	89,35
- Nữ	18	11,65

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

↳ Chính sách đào tạo:

Nhìn chung, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, bài bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn về địa chất, khai khoáng, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ

thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng.

Lao động của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Công ty luôn chú ý đến công tác phát triển nguồn nhân lực: tổ chức các lớp học tập và thi nâng cao tay nghề công nhân, cử cán bộ tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý kho hàng và thống kê... để nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ Công ty. Công ty cũng thường mở các lớp học về an toàn lao động cho toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp. Công ty cũng đặc biệt coi trọng và khuyến khích quá trình tự học hỏi để nâng cao kỹ năng của mỗi cán bộ công nhân viên (CBCNV) và luôn tạo điều kiện để CBCNV có cơ hội tiếp xúc và tích lũy kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác.

↳ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, hay yêu cầu đi công tác, Công ty đều có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Nghi lễ, tết, ốm đau, thai sản: CBCNV được nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ luật lao động. Các chế độ trợ cấp trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản và các trợ cấp khác ... cũng được đảm bảo đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

Công ty đã xây dựng bộ định mức lương khoán cho bộ phận lao động trực tiếp và quy chế trả lương, thưởng phù hợp với vị trí công việc kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của mỗi CBCNV nhằm ghi nhận đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Công ty.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Dự án khai tuyến quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: Từ đầu quý 4/2017, Công ty đã ký Hợp đồng thuê Viện khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập điều chỉnh lại dự án,

đến nay đã điều xong dự án đang chờ cơ quan có thẩm quyền thẩm định, dự kiến xong trong quý II/2019. Chi phí lập, thẩm định dự án điều chỉnh năm 2018 là 150 triệu đồng.

- Dự án Đầu tư duy trì sản xuất: năm 2018 do tình hình tài chính của Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn nên Công ty chỉ thực hiện đầu tư 4 xe ô tô tải trọng 20 tấn vào cuối năm 2018 với tổng giá trị là 5.904 triệu đồng. Dự kiến đầu năm 2019, Công ty sẽ đầu tư thêm một số thiết bị từ dự án của năm 2018 để đáp ứng nhu cầu huy động thiết bị để thực hiện kế hoạch SXKD 2019.

- Dự án Caolin – Fenspat đã được Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7351427465 ngày 23/01/2017. Hiện nay Công ty đang hoàn thiện thủ tục để xin cấp Giấy phép khai thác. Dự kiến trong năm 2019 mỏ Caolin – Fenspat sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 8: Tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2017 (VND)	Năm 2018 (VND)	% tăng giảm so với năm 2017
Tổng giá trị tài sản	131.609.042.954	164.941.683.777	25,33
Doanh thu thuần	169.118.685.779	178.369.743.327	5,47
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.120.407.079	4.370.885.845	40,07
Lợi nhuận khác	842.784.617	(582.451.913)	-169,11
Lợi nhuận trước thuế	3.963.191.696	3.788.433.932	-4,41
Lợi nhuận sau thuế	3.761.247.031	1.837.049.560	-51,16

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,44	0,56
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	0,40	0,53

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,47	3,15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Vòng	28,69	50,81
<u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản	Lần	1,29	1,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,22	1,03
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,93	4,63
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,86	1,11
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,85	2,45

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, năm 2018 của CTCP Khoáng sản 3 - Vimico)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- ✚ Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 00 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	185	3.500.000	35.000.000.000	100
1.1	Tổ chức	02	1.807.650	18.076.500.000	51,65
1.2	Cá nhân	183	1.692.350	16.923.500.000	48,35
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0	0

2.2	Cá nhân	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	185	3.500.000	35.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

Bảng số 11: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2018

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Tổng công ty Khoáng sản - TKV - CTCP	0100103087	193 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội	1.785.000	51%
2	Nguyễn Thị Vân Thư	063465678	Số nhà 280, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	180.000	5,14%
3	Nguyễn Tuấn Vinh	011792337	Số 15/28/260 Cầu Giấy, Hà Nội	391.638	11,19%
Tổng				2.356.638	67,32%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
e) Các chứng khoán khác: Không.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
- 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu
- a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm*

Bảng số 12: Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm 2018

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2017	Số lượng sử dụng năm 2018
1	Dầu diesel	Lít	1.575.518	1.247.828
2	Dầu mỡ phụ	Lít	34.224	25.507
3	Lốp ô tô	Cái	339	223

4	Bi nghiền	Kg	108.402	182.590
---	-----------	----	---------	---------

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng chủ yếu là dầu diesel và điện năng. Trong đó tiêu thụ dầu diesel là 1.247.828 lít và điện năng là 2.849.696 KWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không có.

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: chủ yếu là nước mặt.

Khối lượng nước sử dụng năm 2018: 19.175 m³. Trong đó có 1.534 m³ là khai thác mới.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Khối lượng nước tái sử dụng: 17.641 m³, chiếm 92 % lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

↳ Số lao động sử dụng bình quân: 200 người.

↳ Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 13: Mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2015	2016	2017	2018
-----	------	------	------	------

Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	6,00	5,80	6,63	7,28
--	------	------	------	------

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành các đợt kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

✦ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Bảng số 14: Số giờ đào tạo trung bình năm 2018

STT	Nhóm lao động	Số giờ đào tạo trung bình năm 2017	Số giờ đào tạo trung bình năm 2018
1	Lãnh đạo, quản lý	40	33
2	Cán bộ	61	70
3	Công nhân	28	32
4	Phục vụ, khác	22	16

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

✦ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Công ty đã tổ chức mở lớp đào tạo chuyên môn cho CBCNV như: đào tạo chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, chuyên viên,... nhằm nâng cao chuyên môn ngành nghề, tăng năng suất lao động, phát triển sự nghiệp cho người lao động. Ngoài ra, trong năm Công ty còn cử nhiều lượt CBCNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên

môn do Tổng Công ty Khoáng sản – TKV và Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động phát triển cộng đồng do địa phương phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Khó khăn

- Công ty quản lý trên địa bàn rộng và phân tán (Hà Nội, Phú Thọ, Lào Cai, Cao Bằng) nên việc đi lại và công tác quản lý, bảo đảm an ninh trật tự gặp nhiều khó khăn;
- Thiếu năng lực bóc xúc và vận tải vì đa số các máy móc thiết bị đã hết khấu hao và thường xuyên hỏng kéo dài, chi phí sửa chữa lớn;
- Công ty không được giao xúc bóc tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai như các năm trước đây mà phải làm nhà thầu phụ, đơn giá xúc bóc thấp (chỉ bằng 70 + 75% đơn giá năm 2017) và từ tháng 4/2018 mới thi công bóc xúc tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền – Lào Cai;
- Công ty không trúng thầu gói bóc xúc đất đá và khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Nà Rạ – Cao Bằng;
- Mỏ Kaolin Fenspat đã hết hạn Giấy phép khai thác từ 15/4/2015, Công ty đang làm thủ tục xin cấp lại Giấy phép khai thác;
- Tình hình tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn: Dự án mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ đang trong thời gian XD/CB và lập điều chỉnh lại dự án, tuy nhiên Công ty đã phải đóng một khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng tài liệu địa chất rất lớn, tính đến 31/12/2017 là: 27.778 triệu đồng); tiền đầu tư mua cổ phần tại Công ty CP Vàng Lào Cai nhưng không hiệu quả;
- Tình hình lao động trong Công ty có nhiều biến động, một bộ phận công nhân có tay nghề cao xin nghỉ việc nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức sản xuất.

1.2. Thuận lợi:

- Công ty là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tổng công ty Khoáng sản – TKV và của tỉnh Lào Cai, được chính quyền tỉnh quan tâm và chỉ đạo sát sao. Được sự hỗ trợ từ phía UBND tỉnh Lào Cai, Công ty có cơ sở để mở rộng việc xây dựng, triển khai các phương án kinh doanh, dẫn đến việc hiệu quả kinh doanh được đảm bảo, góp phần tạo doanh thu tối đa. Công ty đã ký được hợp đồng bóc xúc đất đá với Công ty Cổ phần Xây dựng công trình An Gia Phát;

- Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, có thể nói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty phần nào đã được ghi nhận trên thị trường. Có được sự tin nhiệm của các đối tác, khách hàng trong nhiều năm;

- Công ty có đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, đoàn kết, năng động, tích cực đổi mới, nhạy bén trong việc nhận định tình hình và có tinh thần dám nghĩ, dám làm và mạnh dạn quyết định những bước đi có tính chất đột phá nhằm đạt mục tiêu chiến lược của Công ty. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành khai thác khoáng sản;

- Bên cạnh đó, Công ty còn có đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao với công việc; luôn học hỏi cái mới, nâng cao trình độ chuyên môn để tự hoàn thiện mình và hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.

1.3 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Khoáng sản - TKV và những quyết sách kịp thời, linh hoạt của Lãnh đạo Công ty cùng với sự đoàn kết, cố gắng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV nên Công ty đã đạt được kết quả SXKD năm 2018 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.3.1 Khai thác, chế biến khoáng sản

- Tinh quặng sắt Kíp Tước : 65.054,82 tấn, đạt 92,9% Kế hoạch đầu năm
- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ : 108.049 tấn, đạt 72,0% KH đầu năm

1.3.2 Khai thác, bóc xúc thuê ngoài

- Khai thác quặng vàng Minh Lương : 10.282,84 m³, đạt 85,7% KH đầu năm
- Bóc xúc tại mỏ đồng Sin Quyền : 1.180.806 m³, đạt 87,5% KH đầu năm

1.3.3 Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp

- Tổng doanh thu : 178.829 triệu đồng, đạt 81,1% KH đầu năm
- Lợi nhuận trước thuế : 3.788 triệu đồng, đạt 157,3% KH.
- Quỹ tiền lương thực hiện : 18.001 triệu đồng, đạt 85,0% KH.
- Lao động sử dụng bình quân : 200 người, đạt 75,5% KH.
- Tiền lương bình quân : 7,28 tr.đồng/ng/tháng, đạt 109,3% KH.
- Nộp NSNN : 30.154 tr.đồng, bằng 47,6% KH đầu năm

1.3.4 Công tác Đầu tư XD CB

Tổng ĐTXDCB: 6.054 triệu đồng, đạt 16,5% KH đầu năm và bằng 33,0% KH điều chỉnh

Trong đó:

+ Dự án khai tuyến quặng sắt Làng Vinh - Làng Cọ: 150 triệu đồng, đạt 1,7% KH đầu năm và bằng 23,1% KH điều chỉnh.

+ Đầu tư duy trì SXKD: 5.094 triệu đồng, đạt 18,3% KH đầu năm và bằng 28,8% KH điều chỉnh.

1.3.5. Đánh giá thực hiện SXKD năm 2018

Năm 2018, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra. Doanh thu năm 2018 đạt 178.829 triệu đồng, đạt 81,1% KH đầu năm, do một số nguyên nhân cụ thể như sau:

- Tại mỏ sắt Kíp Tước: Năm 2018, dây chuyền nghiền tuyển quặng sắt hồng nặng, thời gian ngừng sửa chữa kéo dài, phải đợi vật tư sửa chữa thay thế. Ngoài ra, điều kiện khai thác ngày càng khó khăn, các thân quặng chính có xu hướng giảm nhanh cả về chiều dày và đường phương và hàm lượng nên chỉ đạt 92,9% KH đầu năm.

- Tại mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Công ty gặp rất nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của dự án cụ thể:

a. Khó khăn về thủ tục, hồ sơ pháp lý: Do một số hạng mục đầu tư của dự án không phù hợp với thực tế khi triển khai đầu tư do đó phải thực hiện công tác điều chỉnh sự án; khó khăn sản phẩm đầu ra của dự án; Công tác đền bù giải phóng mặt bằng thực tế phát sinh lớn hơn rất nhiều.

b. Khó khăn về công nghệ: Quặng gốc ở mỏ là loại quặng limonit hàm lượng thấp và phải dùng công nghệ tuyển rửa kết hợp với nung từ hóa. Theo dự án chi phí lắp đặt dây chuyền tuyển rửa và nung từ hóa hết 26,650 tỷ đồng, nhưng thực tế để lắp đặt dây chuyền tuyển rửa kết hợp với nung từ hóa phải chi phí khoảng 100 tỷ đồng và giá thành sản xuất sẽ > 1 triệu đồng/tấn quặng sắt hàm lượng 50,49 % Fe, hiện nay tại Việt Nam và các nước trong khu vực chưa có công nghệ khác để thay thế và thực tế chưa có Doanh nghiệp nào trong nước sử dụng công nghệ này để sản xuất quặng.

Công tác bóc xúc tại mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai: Từ tháng 4/2018 Công ty mới thi công bóc xúc nên khối lượng bóc xúc đạt thấp chỉ đạt 87,5% KH đầu năm.

Khai thác quặng vàng Minh Lương cho Công ty CP vàng Lào Cai: Làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên mỏ nhưng do trữ lượng tài nguyên biên đối so với tài liệu, việc nghiệm thu thanh toán với công ty với công ty Cổ phần Vàng Lào Cai chậm nên không thúc đẩy các tổ lò sản xuất do đó sản lượng năm 2018 Công ty chỉ khai thác được 10.283 m³, đạt 85,7% KH đầu năm.

Triển khai thực hiện các dự án:

+ Dự án khai tuyển quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ:

Dự án đã được UBND tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận đầu tư số 12121000438 ngày 11/9/2014 và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác số 1150/GP – BTNMT ngày 18/05/2015.

Năm 2018, Công ty đã thuê Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin lập điều chỉnh lại dự án, dự án điều chỉnh đã lập xong đang chờ thẩm định. Từ tháng 10/2018 Công ty thuê dây chuyền tuyển rửa Công ty TNHH Thịnh Phú để tuyển rửa quặng sắt, hàm lượng (52±1)% Fe.

+ Dự án Caolin - Fenspat:

Hoàn thiện các thủ tục xin Giấy phép khai thác, phần đầu trong năm 2019 mô sẽ được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác.

1.4 Công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

1.4.1 Những việc đã làm được

a) Công tác kế hoạch SXKD

Ngay từ đầu quý 4 năm 2017, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch công nghệ, kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Tổng Công ty phê duyệt và làm căn cứ cho Công ty ký hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh với Tổng Công ty. Các chỉ tiêu kế hoạch công nghệ xây dựng cụ thể, chi tiết và có khoa học, các chỉ tiêu định mức áp dụng cho xây dựng kế hoạch giá thành đảm bảo tiên tiến, tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm cơ sở cho công tác khoán quản trị chi phí của Tổng Công ty.

Về công tác định mức: Công ty đã tiến hành xây dựng các loại định mức về lao động, vật tư chi tiết giao cho các đơn vị thực hiện. Tổ chức nghiệm thu và đánh giá công tác thực hiện định mức của các cơ sở bảo đảm có sự điều chỉnh kịp thời phục vụ sản xuất đạt hiệu quả.

Công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy trình, quy phạm về quản lý kỹ thuật cơ bản. Tiến hành lập kế hoạch sản xuất hàng tháng, quý, năm phù hợp với thực tế sản xuất.

Trước tình hình tình quặng sắt có dấu hiệu tăng và đến tháng 4/2018, Công ty mới tiến hành bóc xúc tại Sin Quyền, nên ngay từ đầu năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Kíp và khai thác quặng vàng tại Minh Lương cho Công ty cổ phần Vàng Lào Cai.

Trong năm 2018, Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ quy định của Nhà nước về quản lý khoáng sản.

b) Công tác Kỹ thuật Mỏ - Tuyển khoáng

+ Công tác khai thác: Hướng phát triển khai trường đi vào ổn định. Mặc dù điều kiện khai thác ngày càng khó khăn nhưng vẫn đảm bảo sản lượng và chất lượng quặng đầu vào cấp cho xưởng tuyển khoáng. Tuy nhiên, công tác bóc xúc đất đá để đảm bảo moong tầng khai thác vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

+ Công tác địa chất: Công tác cập nhật khai trường đã có sổ theo dõi, cập nhật, các thông tin về địa chất mỏ được cập nhật kịp thời và chính xác.

+ Công tác nổ mìn: Công ty đã tiến hành lập hộ chiếu khoan, nổ mìn theo từng vụ nổ mìn phá đá và phá quặng riêng biệt. Tuy nhiên, do diễn biến thực tế điều kiện địa chất, việc phân định ranh giới giữa đất đá và quặng chưa rõ ràng dẫn đến trong một vài hộ chiếu vẫn phải nổ lẫn cả đất đá và quặng.

+ Công tác Tuyển khoáng tại mỏ Kíp Tước: Công nghệ tuyển sắt duy trì ổn định. Công ty thực hiện tốt giải pháp điều chỉnh công nghệ để tuyển tinh quặng sắt có hàm lượng cao.

Về công tác quản lý kỹ thuật tuyển khoáng: đã duy trì công tác lấy mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm, theo dõi, điều chỉnh công nghệ nên đã đảm bảo chỉ tiêu công nghệ theo yêu cầu. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ đầy đủ theo quy định.

- Công tác phát triển tài nguyên

Hiện nay Công ty đã hoàn thiện các thủ tục khai thác mỏ Kaolin - Fenspat Hang Dơi, Giáp Lai, Thanh Sơn, Phú Thọ. Dự kiến trong thời gian tới, Công ty sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác.

Ngoài ra trong năm 2018 và các năm tiếp theo Công ty dự kiến sẽ tiến hành thành lập tổ tìm kiếm thăm dò để thăm dò 1 số điểm mỏ mới.

c) Công tác Cơ điện và An toàn - môi trường

- Công tác quản lý kỹ thuật Cơ điện

Năm 2018, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung quản lý kỹ thuật cơ điện. Bảo quản, sử dụng thiết bị có hiệu quả, huy động đầy đủ vào sản xuất. Năng suất thiết bị trung bình trong năm đạt trên 90%.

Thực hiện tương đối tốt công tác sửa chữa máy móc thiết bị theo định kỳ, đảm bảo năng lực thiết bị huy động vào sản xuất. Việc sử dụng vật tư phụ tùng, nhiên liệu cơ bản thấp hơn so với chỉ tiêu định mức. Thực hiện các biện pháp gia công phục hồi, tái chế nhằm sử dụng triệt để vật tư thu hồi và tồn đọng chậm luân chuyển. Thực hiện tốt việc tiết giảm chi phí trong lĩnh vực Cơ điện, giảm chi phí vật tư sửa chữa thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

Xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cho từng thiết bị, dây chuyền sản xuất.

- Công tác An toàn - Môi trường

Thực hiện nghiêm các quy định về ATVSLĐ - PCCN, PCTT - TKCN. Giá trị thực hiện là 607 triệu đồng, đạt 73,75 % kế hoạch. Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty, tổ chức viết bài thu hoạch tìm hiểu về ATVSLĐ đối với khai thác, chế biến khoáng sản. Kiện toàn lại Hội đồng BHLĐ, củng cố mạng lưới an toàn vệ sinh viên cơ sở tại các tổ đội sản xuất:

+ Hội đồng BHLĐ : 10 người.

+ ATVSV cơ sở : 11 người.

Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn để kịp thời ứng cứu khi xảy ra thiên tai. Lập kế hoạch và phương án phòng chống thiên tai-tìm kiếm cứu nạn cho mùa mưa lũ năm 2018.

Công ty thường xuyên kiểm tra công tác AT - BHLĐ các đơn vị theo định kỳ mỗi tháng một lần.

Thực hiện việc kiểm tra chéo công tác AT - BHLĐ năm 2018 giữa các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty.

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định. Năm 2018 đã khám sức khỏe định kỳ cho 142 lao động, đạt 84%.

Trong năm 2018, Công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

- Công tác Bảo vệ môi trường thường xuyên:

Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc công tác Bảo vệ môi trường thường xuyên, không có sự cố hoặc nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Giá trị thực hiện là 44,6 triệu đồng, bằng 30% kế hoạch năm.

d) Công tác tổ chức, quản lý, lao động tiền lương, việc làm và thu nhập

Trong năm 2018 tình hình lao động trên toàn Công ty có nhiều biến động, lao động chính thức đầu kỳ: 191 người, tăng trong kỳ 12 người giảm 34 người trong đó (Quản lý: 4 người; lái xe: 12 người; xúc gạt: 8 người; cơ khí: 02 người; lao động khác: 08 người); Lao động chính thức cuối kỳ là 169 người.

Trong năm, Công ty đã giải quyết chế độ hưu trí cho 10 cán bộ công nhân lao động và đã hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định 816 để hưởng chế độ về hưu trước tuổi của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam.

Công ty đã xây dựng hệ thống tháng bảng lương năm 2018 và tiến hành ký lại toàn bộ hợp đồng lao động theo thang bảng lương mới cho người lao động. Đồng thời xây dựng phương án phân phối tiền lương năm 2018 đến từng đơn vị sản xuất. Hàng tháng tiến hành nghiệm thu thanh toán tiền lương tính đến thu nhập của từng lao động đảm bảo công khai, minh bạch rõ ràng.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động, dự kiến tiền lương bình quân năm 2018 là 7,28 triệu đồng/người/tháng. Do khó khăn về tài chính nên việc chi trả tiền lương cho người lao động đôi khi còn chậm.

Công tác BHXH và chế độ độ chính sách của người lao động được thanh toán đầy đủ, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo năm 2018: Không có đơn thư khiếu tố gửi Công ty. Các thắc mắc, kiến nghị trực tiếp được Lãnh đạo Công ty trả lời, giải thích thỏa đáng tại các hội nghị sơ kết sản xuất hàng tháng, quý, 6 tháng... CBCNV-LĐ toàn Công ty đoàn kết một lòng gắn bó với đơn vị.

e) Công tác tài chính - kế toán - thống kê

Năm 2018 tiếp tục là năm khó khăn đối với tình hình tài chính của Công ty nguyên nhân chủ yếu là do việc tiêu thụ quặng sắt chậm, giá bán giảm sâu trong khi chi phí đầu vào tăng so với năm 2017 như thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác, BHXH, nguyên nhiên vật liệu tăng...

Tại khu vực Sin Quyền nghỉ 4 tháng đầu năm nên không tạo ra doanh thu và dòng tiền.

Việc đầu tư vào Công ty CP vàng Lào Cai trong nhiều năm qua hiệu quả không cao (số vốn góp gấp 1,1 lần Vốn điều lệ của Công ty).

Công ty không vay được vốn tín dụng cho dự án quặng sắt Làng Vinh Làng Cọ, dẫn đến khả năng thanh toán của Công ty gặp khó khăn, việc thanh toán lương, chế độ người lao động còn chưa được kịp thời.

Công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán, đảm bảo kịp thời, chính xác theo quy định, hướng dẫn của Tập đoàn và Tổng Công ty;

Công tác thống kê được cập nhật thường xuyên từ các phân xưởng đến các phòng ban;

Năm 2018, Công ty vẫn bảo toàn vốn chủ sở hữu (1,05 lần).

f) Các mặt công tác khác

- Công tác thanh tra bảo vệ quân sự và an ninh quốc phòng

Đảng ủy và Ban Giám đốc Công ty đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu trong công tác bảo vệ ANTT trên địa bàn đóng quân: tăng cường phối hợp với Công an tỉnh trong công tác xây dựng và thực hiện các kế hoạch, phương án bảo vệ tại các khu vực mỏ được giao để quản lý, khai thác. Thường xuyên trao đổi các thông tin có liên quan đến an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an toàn sản xuất bảo vệ tài sản của Công ty. Phối hợp công tác chỉ đạo tuyên truyền, giáo dục CBCNV thực hiện tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản, phòng chống cháy nổ, ngăn chặn các tệ nạn xã hội trong Công ty.

- Công tác thi đua khen thưởng

Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên phát động nhiều đợt thi đua lớn lập thành tích chào mừng những ngày lễ lớn kỷ niệm của đất nước và đặc biệt phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Trong năm có một số lao động vi phạm kỷ luật lao động, đã tiến hành lập biên bản nhắc nhở và kiểm điểm trách nhiệm rõ ràng.

Với những thành tích đã đạt được Công ty khen thưởng cho 5 tập thể và 41 cá nhân xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh năm 2018. Công ty đề nghị Tổng Công ty và Tập đoàn tặng Bằng khen cho 2 Tập thể và tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua 16 cá nhân.

- Công tác chăm lo sức khỏe người lao động

Chuyên môn phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên thăm hỏi gia đình chính sách, ốm đau, bệnh tật, hiếu hỷ được thăm hỏi động viên kịp thời.

1.4.2 Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những việc đã làm được, trong công tác quản lý vẫn còn tồn tại một số những hạn chế:

- Căn cứ Đề án Tái cơ cấu của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2017 - 2020, Khối Văn phòng Công ty đã thực hiện tinh giảm xuống còn 04 phòng chức năng phù hợp với mô hình SXKD của Công ty hiện tại. Nhưng tỷ lệ lao động gián tiếp khối Văn phòng Công ty vẫn còn cao so với mô hình tổ chức, định biên lao động. Trong giai đoạn tới cần tiếp tục cơ cấu lại cho phù hợp.

- Do đặc thù sản xuất của Công ty là phân tán, ở nhiều địa điểm xa nhau nên việc điều động máy móc thiết bị gặp nhiều khó khăn và tốn kém.

- Đa số các máy móc thiết bị đã hết khấu hao, thường xuyên hỏng hóc kéo dài, chi phí sửa chữa lớn, làm giảm hiệu quả SXKD.

- Công tác tự kiểm tra của Quản đốc phân xưởng, Giám đốc Xí nghiệp, của tổ trưởng tổ sản xuất trong công tác AT-VSLĐ đối với người lao động chưa quyết liệt. Mạng lưới AT-VSV Công ty hoạt động còn hạn chế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 15: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

TÀI SẢN	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2017 (Đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	68.077.836.125	40.838.103.515	66,70
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.739.139.385	3.235.373.097	-46,25
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	62.396.258.229	30.036.018.156	107,74
III. Hàng tồn kho	3.232.874.344	3.537.808.325	-8,62
IV. Tài sản ngắn hạn khác	709.564.167	4.028.903.937	-82,39
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	96.863.847.652	90.770.939.439	6,71
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.741.135.203	2.220.7760.003	-87,66
II. Tài sản cố định	15.121.083.356	11.151.558.321	35,60
1. TSCĐ hữu hình	14.927.656.672	10.943.089.337	36,41
2. TSCĐ vô hình	193.426.684	208.468.984	-7,22
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.062.104.932	26.184.832.205	-4,29
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	26.705.909.000	20.018.111.783	33,41
V. Tài sản dài hạn khác	27.233.615.161	31.195.677.127	-12,70
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	164.941.683.777	131.609.042.954	25,33

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

- Năm 2018, Công ty có các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi là 416.876.891 đồng từ Công ty khoáng sản MEDICO, Công ty Nguyên liệu Vigalcera, CTCP Bê tông khí trung áp Việt Nam, Ông Lê Thanh Tuyển và Công ty cổ phần Thanh Nhân. Trong đó, khoản nợ xấu Công ty dự kiến có

thể thu hồi với giá trị 103,5 triệu đồng từ Công ty cổ phần Thanh Nhân và 35,96 triệu đồng từ CTCP Bê tông khí trung áp Việt Nam.

b) Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 16: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2017 - 2018

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2017 (Đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ	125.229.784.383	93.734.193.120	33,60
I. Nợ ngắn hạn	121.591.172.383	92.939.193.120	30,83
1. Phải trả người bán ngắn hạn	47.515.777.956	50.606.296.804	-6,11
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.241.160.170	17.050	36.604.945
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	53.204.639.491	30.215.955.045	76,08
4. Phải trả người lao động	5.215.289.039	6.405.916.492	-18,59
5. Phải trả ngắn hạn khác	1.402.215.103	172.119.105	714,68
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.257.820.000	4.147.500.000	74,99
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	754.270.624	1.391.388.624	-45,79
II. Nợ dài hạn	3.638.612.000	795.000.000	357,69
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.638.612.000	795.000.000	357,69

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018, Công ty duy trì ổn định cơ cấu tổ chức, quản lý, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách đã đề ra trong những năm trước đây.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

⚡ Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV cũng như địa phương nơi Công ty sản xuất, kinh doanh.

- Tập thể CBCNV toàn Công ty đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển. Đây là điều kiện để cho Công ty vượt qua những khó khăn của nền kinh tế năm 2019.

⚡ Khó khăn:

- Năm 2019 được dự báo kinh tế sẽ còn nhiều khó khăn, giá quặng sắt chưa ổn định vẫn đang ở mức thấp, khâu tiêu thụ chậm ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch SXKD.

- Cơ chế chính sách thuế, phí, phụ thu... tại địa phương các mỏ tăng cao. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

- Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn để SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản.

- Điều kiện khai thác mỏ ngày càng khó khăn so với những năm trước.

4.1 Mục tiêu:

Dự kiến được những khó khăn trước mắt Công ty chủ trương tiết giảm tối đa chi phí, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động SXKD. Khắc phục mọi khó khăn để tạo đủ việc làm, thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước và người lao động.

Mục tiêu cơ bản: AN TOÀN - HIỆU QUẢ - ỔN ĐỊNH - PHÁT TRIỂN.

4.2 Nhiệm vụ:

a) Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2019:

- Tổng doanh thu : 147.793 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương : 16.182 triệu đồng.
- Lợi nhuận : 2.458 triệu đồng.
- Nộp NSNN: : 57.585 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng : 200 người.
- Thu nhập BQ : 6,75 triệu đồng/người/tháng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức : Không thấp hơn năm 2018 %.

b) Sản lượng sản xuất – tiêu thụ:

- Quặng sắt Kíp Tước ($\geq 61\%$ Fe) : 75.000 tấn.
- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ ($\geq 52\%$ Fe) : 100.000 tấn.
- Khai thác quặng vàng Minh Lương (≥ 6 gam Au/tấn) : 434,3 m³.
- Bóc xúc thuê ngoài : 1.000.000 m³.

c) Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tổng giá trị : 5.891 triệu đồng
- Mỏ sắt Kíp Tước : 2.678 triệu đồng.
- Đầu tư bổ sung duy trì SXKD của Công ty : 3.213 triệu đồng

4.3 Các biện pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019

Để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2019, ổn định sản xuất và phát triển bền vững, Công ty áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:

a) Quyết liệt, sâu sát hơn nữa trong chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Đề nghị UBND tỉnh Lào Cai điều chỉnh giảm giá tính thuế đối với quặng sắt, giảm mức phụ thu...

- Không tiến hành ĐT XD CB một cách dàn trải mà chỉ tập trung đầu tư ở những hạng mục cần thiết để kịp thời phục vụ SXKD, huy động thiết bị linh hoạt có trọng tâm phù hợp với yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn sản xuất.

- Đẩy nhanh tiến độ xin cấp giấy phép khai thác cho mỏ Caolin Fenspat.

- Rà soát lại toàn bộ nhân lực của đơn vị, cân đối, sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động đảm bảo hợp lý tại các khâu, dây chuyền sản xuất. Tính toán chi tiết định mức lao động cho từng đội sản xuất, đảm bảo tăng năng suất lao động tăng từ 3% -5% so với năm 2018.

- Chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương trong sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.

b) Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các mặt quản lý

- Ngay từ đầu năm phải tập trung quản lý, điều hành sản xuất, xây dựng kế hoạch điều hành cụ thể cho từng phân xưởng, tổ đội từng tháng, từng quý và có biện pháp thực hiện kịp thời để hoàn thành kế hoạch.

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý còn thiếu theo quy định của các mỏ thuộc Công ty đang quản lý khai thác. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ tài nguyên.

- Khai thác có chọn lọc, tiết kiệm tối đa tài nguyên nhằm giảm giá thành sản xuất.

- Tăng cường công tác khoán quản trị chi phí tới từng công đoạn của sản xuất. Trong tổ chức sản xuất phải thực hiện giao khoán các chỉ tiêu sản xuất đến từng phân xưởng, công trường và người lao động.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ công nhân vận hành, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ chỉ huy sản xuất để sử dụng và phát huy tối đa năng suất của các thiết bị dây chuyền. Có chính sách thích hợp để thu hút nguồn nhân lực có trình độ có kinh nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện tại.

- Tăng cường các biện pháp theo dõi, cập nhật, phân tích, đánh giá số liệu và điều chỉnh hợp lý định mức giao khoán cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tăng cường các biện pháp theo dõi hệ thống sổ sách điều hành sản xuất cấp phân xưởng đảm bảo ghi chép đầy đủ nội dung công việc được giao, sản lượng giao và biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

- Tuyên truyền, giáo dục, động viên CBCNV-LĐ toàn Công ty phát huy truyền thống tiên phong của giai cấp công nhân, nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, tự chủ, sáng tạo và trách nhiệm trong lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ mới, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho đơn vị và người lao động.

- Ngoài các mỏ đơn vị đang quản lý khai thác, Công ty chủ động tìm kiếm thêm việc làm, tạo tiền đề cho hướng phát triển bền vững.

- Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ - an toàn môi trường trong mọi hoạt động sản xuất, đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động nặng và sự cố đáng tiếc. Hoàn thiện hệ thống nội quy, quy định, sổ sách, tài liệu

phù hợp quy định chung của Tổng công ty, của Công ty và điều kiện thực tế của từng đơn vị sản xuất.

- Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng uỷ trong Công ty. Cùng cố phát huy vai trò, trách nhiệm các tổ chức đoàn thể quần chúng. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và các phong trào hoạt động văn hoá thể thao, an ninh quốc phòng. Tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống văn hoá trong đơn vị. nêu cao trách nhiệm cá nhân tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của quản lý.

- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất coi đây là một nội dung quan trọng góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đã làm tốt công tác môi trường, tiết kiệm tiêu thụ nước, năng lượng. Mọi chất thải độc hại của Công ty đều được thu gom, xử lý đúng quy định của pháp luật. Bãi thải rắn của Công ty được thiết kế và thi công đúng theo quy phạm an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2018, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng Công ty vẫn duy trì tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, tham gia tích cực vào các phong trào xây dựng địa phương nơi Công ty kinh doanh, sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức (địa bàn quản lý rộng, trang thiết bị máy móc vừa thiếu vừa cũ nát, giá khoáng sản nói chung và giá quặng sắt nói riêng vẫn còn ở mức thấp, địa bàn rừng núi hiểm trở,...), song HĐQT đã luôn bám sát mục tiêu, nhiệm vụ SXKD của Công ty do Đại hội cổ đông thường niên đề ra để giám sát, chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận liên quan trong Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

Kết quả đạt được của Công ty năm 2018 như sau:

Về SXKD:

- Tổng doanh thu : 178.829 triệu đồng, đạt 81,1% Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 104,1% năm 2017
- Lợi nhuận trước thuế : 3.788 triệu đồng, đạt 157,3% Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 95,6% năm 2017
- Quỹ tiền lương thực hiện : 18.001 triệu đồng, đạt 85,0% Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 93,8% năm 2017
- Lao động sử dụng bình quân : 200 người, đạt 75,5% Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 83,0% năm 2017
- Tiền lương bình quân : 7,28 tr.đồng/ng/tháng, đạt 109,3% Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 109,8% năm 2017
- Nộp NSNN : 30.154 tr.đồng, bằng 47,6% Nghị quyết ĐHĐCĐ và bằng 132% năm 2017
- Về ĐT XDCB: Tổng mức đầu tư 6.054 triệu đồng, đạt 16,5% KH đầu năm và bằng 33,0% KH điều chỉnh

Năm 2018, Công ty cơ bản chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ 2018 đề ra.

Công tác ĐTXDCB luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các bước trong ĐTXDCB theo đúng quy định. Do tình hình giá quặng sắt vẫn ở mức thấp và tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn nên Công ty không đầu tư dân trải mà chỉ đầu tư những hạng mục cần thiết như 4 xe ô tô trọng tải 20 tấn và thuê Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin lập điều chỉnh lại dự án tại mỏ sắt Làng Vinh-Làng Cọ, dự án điều chỉnh đã lập xong đang chờ thẩm định

Năm 2018, Công ty đã bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy xác nhận số 7801/18 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 04/10/2018.

Tháng 2/2019, công ty đã thực hiện xong việc thoái vốn toàn bộ 2.280.000 cổ phần, tương đương 21,71% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai với tổng giá trị là 26.635 triệu đồng.

Trong thời gian tới, Công ty vẫn chủ chuyên nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất trụ sở cũ của Công ty tại xã Tân Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội cho các tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện mua theo quy định hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban điều hành và các cán bộ quản lý của công ty thông qua cuộc họp định kỳ hàng quý, Ban điều hành định kỳ báo cáo HĐQT hoạt động SXKD, kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các khó khăn và thuận lợi trong điều hành. Từ đó HĐQT phối hợp với Ban điều hành đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động SXKD.

Nhìn chung công tác giám sát đối với Ban điều hành được thực hiện thường xuyên và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bám sát mục tiêu kế hoạch do HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Thành viên của HĐQT cũng là thành viên của Ban điều hành nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban điều hành cho HĐQT được thuận lợi, kịp thời.

Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của công ty bằng những phương tiện viễn thông như (điện thoại, email...) ngoài những cuộc họp định kỳ cũng như bất thường. Trong năm 2018, HĐQT cũng đã thực hiện giám sát hoạt động SXKD của Công ty trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, kinh doanh và đầu tư. Kết quả giám sát cũng đã được Ban điều hành báo cáo gửi các thành viên HĐQT hàng quý.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã hoàn thành khá tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Do vậy, mặc dù điều kiện kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, sức cạnh tranh lớn của thị trường nhưng kết quả SXKD 2018 của Công ty cơ bản đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội giao phó, duy trì đảm bảo hiệu quả, lợi nhuận và phát triển được vốn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để hoàn thành kế hoạch SXKD - ĐTXD năm 2019 như đã nêu trên, từng bước khắc phục khó khăn, xây dựng Công ty phát triển bền vững, HĐQT Công ty xây dựng và báo cáo trước Đại hội về kế hoạch hoạt động và chương trình công tác với các nội dung cơ bản như sau:

3.1. Công tác tổ chức quản lý

- Tiếp tục tiến hành rà soát, bố trí lại cán bộ từ Công ty đến các phòng quản lý, các Xí nghiệp thành viên đảm bảo đủ cả về số lượng lẫn chất lượng để Công ty hoạt động phát triển.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng mới một số quy chế quản lý của Công ty như: Quản lý công tác kế hoạch, giá thành, đầu tư, vật tư, cơ điện, kỹ thuật, tài chính, tiền lương, hành chính, an toàn lao động ...
- Thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, nhất là việc khoán chi phí, trả lương, thưởng hợp lý động viên người lao động tăng năng suất, tiết kiệm chi phí. - Xây dựng hoàn thiện công tác quy hoạch sử dụng cán bộ theo hướng dẫn của Ban tổ chức Trung ương, của Tổng Công ty.
- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được.

3.2. Công tác quản trị chi phí

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, quản trị chi phí từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên. Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí. Xây dựng chi tiết đơn giá giao khoán trong nội bộ phục vụ cho khoán trong Công ty.
- Đối với công tác quản lý kỹ thuật cơ bản: Rà soát, hoàn thiện công tác QLKTCB trong khai thác, tuyển khoáng, cơ điện và tổ chức thực hiện tại mỏ sắt Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ Caolin - Fenspat; hoàn thiện, xây dựng các định mức tại mỏ Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ Caolin - Fenspat phục vụ cho công tác khoán; hoàn thiện các hệ thống quản lý kỹ thuật, hệ thống sổ sách thống kê, nghiệm thu, theo dõi quá trình sản xuất...
- Rà soát, xây dựng bổ sung các qui định liên quan tới công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị trong Công ty.

3.3. Công tác tiêu thụ sản phẩm

Đẩy mạnh công tác tiêu thụ quặng sắt tại mỏ Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, quặng Caolin - Fenspat đảm bảo tuân theo các quy định của Tổng công ty, của Tập đoàn và Nhà nước. Mở rộng thị trường tiêu thụ quặng sắt, Caolin - Fenspat đặc biệt chú ý về chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh.

3.4. Công tác địa chất thăm dò phát triển tài nguyên tạo sự ổn định và phát triển lâu dài, bền vững của Công ty

- Tập trung làm việc với các cơ quan chức năng hoàn thiện các công tác xin cấp phép khai thác mỏ Caolin - Fenspat.
- Công ty dự kiến sẽ tiến hành thành lập tổ tìm kiếm thăm dò để thăm dò 1 số điểm mỏ mới.

3.5. Công tác điều hành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổ chức điều hành sản xuất một cách linh hoạt, thích ứng với công tác quản lý của Tổng công ty, của Tập đoàn với tình hình kinh tế từng thời điểm. Ngoài việc tổ chức thực hiện khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, quặng kaolin - fenspat tại mỏ Hang Dơi, tìm kiếm thêm việc thi công bóc xút thuê ngoài đảm bảo khối lượng thi công hàng năm $\geq 1.500.000$ m³ để tận dụng các thiết bị, lợi thế của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc tích cực bám sát, làm việc với UBND tỉnh Lào Cai, các sở, ban ngành tỉnh Lào Cai điều chỉnh giảm mức phụ thu từ khai thác quặng sắt.

3.6. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Tuyên truyền sâu rộng đến mọi CBCN người lao động trong Công ty, đặc biệt số lao động trẻ về tình hình nhiệm vụ, các giải pháp SXKD năm 2019 và ổn định lâu dài của Công ty. Các chi bộ Đảng, tổ Đảng, chuyên môn, công đoàn, thanh niên, phụ nữ phải có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất triển khai nhiệm vụ đồng thời nắm bắt cơ hội tạo điều kiện vượt qua khó khăn để giữ vững Công ty ổn định, phát triển.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 17: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
2	Ông Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Thành viên HĐQT điều hành)
3	Ông Cao Anh Hào	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
4	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
5	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)

✦ Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và tên : **NGÔ QUỐC TRUNG**
- Số CMND : 011723590
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 07/03/1973
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : Dương Quang – Gia Lâm - Hà Nội
 - Địa chỉ hiện tại : Dương Quang – Gia Lâm - Hà Nội
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
 - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP : 785.000 cổ phần, chiếm 22,43% vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Họ và tên : **NGUYỄN CAO KHƯƠNG**
 Đã nêu ở mục Lý lịch Ban điều hành.

- Họ và tên** : **CAO ANH HÀO**
- Số CMND : 063043212
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/12/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : C2215 Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : C2215 Tòa nhà Hồ Gươm Plaza, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó trưởng phòng Kế hoạch Giá thành – TCT Khoáng sản TKV - CTCP
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : Không
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 500.000 cổ phần, tỷ lệ 14,29% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Họ và tên** : **NGUYỄN TUẤN VINH**
- Số CMND : 001068011146 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/6/2017
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 23/06/1968
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Phòng 508, nhà 4F, KĐT Trung Yên, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Phòng 508, nhà 4F, KĐT Trung Yên, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tổng Giám đốc Công ty TNHH tư vấn, đầu tư và thương mại Nhật Việt
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 391.638 cổ phần, chiếm 11,19% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 00 cổ phiếu
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Họ và tên : HOÀNG TUẤN ANH**
- Số CMND : 011765895
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/12/1973
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 162 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : 162 Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác mỏ, Kỹ sư Kinh tế quản lý Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kỹ thuật – Cơ điện - An toàn và Môi trường, Chủ tịch Công đoàn

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 22.230 cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 22.650 cổ phiếu, chiếm 0,65% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, HĐQT luôn đảm bảo tính tập trung, thống nhất, liên tục và kế thừa. Hội đồng quản trị đã thực hiện khá tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định trong Điều lệ Công ty để quản lý và điều hành Công ty.

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các công việc phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi giai đoạn. Các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, thực hiện tốt các quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát và chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Về cơ bản, các thành viên HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh. Nội dung và trình tự các phiên họp đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Ngày 26/4/2018, HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty thuê viện Khoa học công nghệ mô - Vinacomin điều chỉnh lại dự án: Dự án "*Khai thác lộ thiên mỏ sắt Làng Vinh xã Võ Lao, Làng Cọ xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn, Lào Cai*"

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành đề nghị UBND tỉnh Lào Cai và các Sở ban ngành có liên quan điều chỉnh giảm mức phụ thu từ khai thác quặng sắt nhưng chưa được đáp ứng.

Trong năm 2018, ngoài việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT còn tổ chức 6 phiên họp HĐQT, ban hành 6 Nghị quyết. Các Nghị quyết, Quyết định đều được chuẩn bị kỹ lưỡng, cẩn trọng và có sự thống nhất cao trong HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định đã bám sát với tình hình thực tiễn, bám sát với môi trường kinh doanh của Công ty và phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước, cấp trên...

Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2018 cụ thể là:

STT	NGHỊ QUYẾT
1	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 19/01/2018
2	Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 31/01/2018
3	Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 26/04/2018
4	Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 15/06/2018
5	Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐQT ngày 02/10/2018
6	Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐQT ngày 19/12/2018

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Bảng số 18: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Ông Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty	Quản trị Kinh doanh cao cấp Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin
2	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Quản trị Kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 19: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Ngọc Linh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Mai Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát

↳ Lý lịch của thành viên Ban Kiểm soát:

Họ và tên : **PHẠM THỊ NGỌC LINH**
- Số CMND : 013250845
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/03/1979

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : SN 1 - Ngách 1/34 - Phố Phan Đình Giót - P. Phương Liệt - Q.Thanh Xuân - Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : SN 1 - Ngách 1/34 - Phố Phan Đình Giót - P. Phương Liệt - Q.Thanh Xuân - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng ban Kiểm soát Cty CP KLM Tuyên Quang; Nhân viên phòng TCKT - TCT Khoáng sản TKV – CTCP
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Họ và tên** : **NGUYỄN VĂN THANH**
- Số CMND : 111824381
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/12/1967
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Xã Tân Lĩnh – Huyện Ba Vi – TP Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại : Xã Tân Lĩnh – Huyện Ba Vi – TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty. : Thành viên Ban Kiểm soát, Chánh Văn phòng Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 20.410, chiếm 0,58% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 00 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Họ và tên** : **Mai Văn Thành**
- Số CMND : 145911003 do Công an Hưng Yên cấp ngày 29/09/2014
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 10/12/1968
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Địa chỉ thường trú : Phan Sào Nam, Phù Cừ, Hưng Yên
 - Địa chỉ hiện tại : Phan Sào Nam, Phù Cừ, Hưng Yên
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - ĐH Kinh tế Quốc dân
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 20.040 cổ phần, chiếm 0,57% vốn điều lệ.
 - Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : 00 cổ phiếu
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

⚡ *Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động sau:*

- Tiến hành Kiểm soát định kỳ theo quy định;
- Tham gia một số cuộc họp của HĐQT trong năm;

- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của KTĐL;

- Theo dõi việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, các Nghị quyết HĐQT trong năm 2018 và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Mỗi thành viên Ban Kiểm soát đều thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Trung thành với lợi ích của Công ty và của các cổ đông không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Do mỗi thành viên Ban Kiểm soát đều kiêm nhiệm nên đôi khi việc thực hiện chức trách của Ban Kiểm soát còn chưa kịp thời, chưa sát sao với hoạt động của đơn vị.

⚡ **Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2018:**

- Cuộc họp lần thứ 1: ngày 04/04/2018
- Cuộc họp lần thứ 2: ngày 02/05/2018
- Cuộc họp lần thứ 3: ngày 27/12/2018

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 20: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGD)	Tổng thu nhập
1	Ngô Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT		28,8	28,8
2	Nguyễn Cao Khương	Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT	327,9	25,2	353,1
3	Cao Anh Hào	Thành viên HĐQT		25,2	25,2
4	Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên HĐQT		25,2	25,2
5	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KT-CD-ATMT, Chủ tịch Công đoàn Công ty	167,4	25,2	192,6
6	Phạm Thị Ngọc Linh	Trưởng BKS		25,2	25,2
7	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên BKS,	176,8	22,8	199,6

		Chánh Văn phòng Công ty			
8	Mai Văn Thành	Trưởng phòng KH-ĐT, Thành viên BKS	153,5	22,8	176,3
9	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc Công ty	274,7		274,7
10	Trần Trung Thành	Kế toán trưởng, Thành viên BKS	246,9		246,9

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

- b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**
Không có.
- c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**
Không có.
- d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**
Không có phát sinh.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại thời điểm 31/12/2018, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 53.513.336.258 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 được đăng tải trên website của Công ty: <http://khoangsan3.com.vn/>

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Cao Khương